TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẾN LỨC** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 13-4-2021
V/v tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LỨC - TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Đông

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Cao

2. Ông Vũ Hồng Điều

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức tham gia phiên tòa*:** Bà Trần Thị Lan Chi – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 494/2020/TLST-HNGĐ ngày 17/11/2020 về việc "Tranh chấp về ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1967 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp Tấn L, xã Thanh P, huyện Bến L, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị T, sinh năm 1966 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp Tấn L, xã Thanh P, huyện Bến L, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/11/2020, đơn đề nghị giải quyết vắng mặt ngày 12/4/2021 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Văn H trình bày như sau:

Sau thời gian quen biết, tìm hiểu nên giữa ông Nguyễn Văn H và bà Phạm Thị T tiến đến hôn nhân, ông bà có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Thanh Phú, huyện Bến Lức, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 05/11/1987. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc và có 03 người con chung; thời gian sau đó, giữa ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn; nguyên nhân là do vợ chồng không cùng quan điểm trong công việc, phát triển kinh tế gia đình.

Ông bà đã ly thân từ năm 2020 cho đến nay nhưng không ai có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn H yêu cầu được ly hôn với bà Phạm Thị T.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, ông H và bà T có 03 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc Như, sinh năm 1988, Nguyễn Thị Tuyết Ngọc, sinh năm 1990 và Nguyễn H Phúc, sinh năm 1993. Hiện nay, các con chung đã trưởng thành và có cuộc sống riêng nên ông H không yêu cầu gì về con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông H và bà T tự thỏa thuận về tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Phạm Thị T trong quá trình giải quyết vụ án có ý kiến trình bày như sau: Bà T thống nhất với lời trình bày của ông H về quá trình tìm hiểu, quen biết và thời gian sống chung, đăng ký kết hôn, thời gian ly thân, con chung, tài sản chung và nợ chung; Theo bà T nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không cùng quan điểm trong công việc, phát triển kinh tế gia đình; vợ chồng đã ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Ông H khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà T thì bà T không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông H vì bà T còn thương chồng, thương con.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo pháp luật tố tụng và các đương sự trong vụ án đã chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án: Ông H và bà T xác lập quan hệ vợ chồng năm 1987, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Thanh Phú, huyện Bến Lức, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 05/11/1987 nên hôn nhân giữa ông H và bà T là hôn nhân hợp pháp.

Xét, nguyên nhân chủ yếu dẫn đến mâu thuẫn là do ông H và bà T không cùng quan điểm trong công việc, phát triển kinh tế gia đình. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2020 cho đến nay nhưng cũng không ai có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, bà T cho rằng còn thương chồng, không muốn ly hôn nhưng cũng không có biện pháp nào cụ thể để hàn gắn tình cảm vợ chồng trong khi ông H kiên quyết yêu cầu được ly hôn với bà T, chứng tỏ tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông H.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, ông H và bà T có 03 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc Như, sinh năm 1988, Nguyễn Thị Tuyết Ngọc, sinh năm 1990 và Nguyễn H Phúc, sinh năm 1993. Hiện nay, các con chung đã trưởng thành và có cuộc sống riêng nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông H và bà T tự thỏa thuận về tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về ly hôn với bà T. Căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là "Tranh chấp về ly hôn".

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn bà Phạm Thị T có hộ khẩu thường trú tại huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Căn cứ khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An có thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[3] Về vắng mặt đương sự tại phiên tòa: Bị đơn bà Phạm Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn cố tình vắng mặt. Nguyên đơn ông Nguyễn Văn H, trong quá trình giải quyết vụ án có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Do đó, Tòa án căn cứ khoản 1, 3 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà T, ông H.

[4] Xét yêu cầu ly hôn của ông H thấy rằng:

[4.1] Ông H và bà T xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 1987, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Thanh Phú, huyện Bến Lức, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 05/11/1987 nên hôn nhân giữa ông H và bà T là hôn nhân hợp pháp.

[4.2] Xét, nguyên nhân chủ yếu dẫn đến mâu thuẫn là do ông H và bà T không cùng quan điểm trong công việc, phát triển kinh tế gia đình. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2020 cho đến nay nhưng cũng không ai có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, bà T cho rằng còn thương chồng, không muốn ly hôn với ông H nhưng cũng không có biện pháp nào cụ thể để hàn gắn tình cảm vợ chồng trong khi ông H kiên quyết yêu cầu được ly hôn với bà T, chứng tỏ tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông H.

[5] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, ông H và bà T có 03 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc Như, sinh năm 1988, Nguyễn Thị Tuyết Ngọc, sinh năm 1990 và Nguyễn H Phúc, sinh năm 1993. Hiện nay, các con chung đã trưởng thành và có cuộc sống riêng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Ông H và bà T tự thỏa thuận về tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Ông Nguyễn Văn H phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, 3 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ vào Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H về việc "Tranh chấp về ly hôn" với bà Phạm Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn H được ly hôn với bà Phạm Thị T.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn H phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000đồng tạm ứng án phí ông H đã nộp theo biên lai thu số 000.2554 ngày 17/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức, ông H đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo đối với bản án: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo qui định pháp luật.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Long An;
-VKSND huyện Bến Lức;
-CCTHADS huyện Bến Lức;
- UBND xã Thanh Phú, huyện Bến Lức
-Các đương sự;
-Lưu HS-AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ Tạ phiên tòa

Nguyễn Đình Đông